# TUẦN 28

# Ngày soạn: 18/3/2015

# Ngày giảng: Thứ hai ngày 23 tháng 3 năm 2015

# Tập đọc

# KHO BÁU

**I. Mục tiêu**

Ở tiết học này, HS:

**1. KT:**

- Hiểu nội dung: Ai yêu quý đất đai, chăm chỉ lao động trên ruộng đồng, người đó có cuộc sống ấm no, hạnh phúc.(trả lời được các CH1, 2, 3, 5).

- Học sinh khá, giỏi trả lời được câu hỏi 4.

**2. KN:**

- Đọc rành mạch toàn bài; ngắt, nghỉ hơi đúng ở các dấu câu và cụm từ rõ ý.

**3. TĐ:**

- KNS: Tự nhận thức, xác định giá trị bản thân; lắng nghe tích cực.

**II. Đồ dùng dạy - học:**

-Tranh minh họa bài Tập đọc trong SGK.

-Bảng phụ ghi sẵn từ, câu, đoạn cần luyện đọc và 3 phương án ở câu hỏi 4 để học sinh lựa chọn.

**III. Các hoạt động dạy - học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ổn định tổ chức:**  - Kiểm tra sĩ số, HS hát đầu giờ.  **2. Kiểm tra:**  - Gọi HS lên bảng đọc bài và trả lời câu hỏi tìm hiểu nội dung bài tiết trước.  - Nhận xét, đánh giá.  **3. Bài mới:**  **HĐ 1. Giới thiệu bài:**  -Treo bức tranh minh họa bài tập đọc và hỏi: Tranh vẽ cảnh gì?  -Hai người đàn ông trong tranh là những người rất may mắn, vì đã được thừa hưởng của bố mẹ họ một kho báu. Kho báu đó là gì? Chúng ta cùng tìm hiểu qua bài tập đọc Kho báu.  **3HĐ 2. HDHS luyện đọc.** | - Hát tập thể.  - Thực hiện theo yêu cầu của GV.  - Lắng nghe và điều chỉnh.  - Quan sát, trả lời câu hỏi.  - Lắng nghe và nhắc lại tiêu đề bài. |
| - Giáo viên đọc mẫu. | - Theo dõi và đọc thầm theo. |
| ***-*** HD luyện đọc kết hợp giải nghĩa từ:  + Yêu cầu HS đọc nối tiếp theo câu. | - HS đọc nối tiếp theo câu. |
| + Yêu cầu học sinh tìm các từ khó, dễ lẫn khi đọc bài. | - Tìm từ và trả lời theo yêu cầu của giáo viên: |
| + Nghe học sinh nêu và ghi các từ này lên bảng. | + HS nêu: *quanh năm, hai sương một nắng, cuốc bẫm cày sâu, mặt trời, dặn dò, cơ ngơi đàng hoàng, hão huyền, chẳng thấy, nhờ làm đất kỹ, của ăn của để,…* |
| + Đọc mẫu và yêu cầu học sinh đọc các từ này. (Tập trung vào những học sinh mắc lỗi phát âm). | - Học sinh luyện đọc cá nhân. |
| - HDHS đọc theo đoạn, kết hợp giải nghĩa từ khó.  - Gợi ý HS chia đoạn. | - 3 đoạn:  + Đoạn 1: Ngày xưa … một cơ ngơi đàng hoàng.  *+* Đoạn 2: Nhưng rồi hai ông bà mỗi ngày một già yếu … các con hãy đào lên mà dùng.  + Đoạn 3: Phần còn lại. |
| - Yêu cầu HS đọc theo đoạn đoạn lần 1. | - HS đọc theo đoạn đoạn lần 1. |
| + Gợi ý học sinh nêu cách ngắt giọng 2 câu văn đầu tiên của bài. Nghe học sinh phát biểu ý kiến, sau đó nêu cách ngắt giọng đúng và tổ chức cho học sinh luyện đọc. | - Luyện đọc câu:  *Ngày xưa,/ có hai vợ chồng người nông dân kia/ quanh năm hai sương một nắng,/ cuốc bẫm cày sâu.// Hai ông bà thường ra đồng từ lúc gà gáy sáng/ và trở về khi đã lặn mặt trời.//* |
| - Yêu cầu 1 học sinh đọc lại lời của người cha, sau đó tổ chức cho học sinh luyện đọc câu này. | - Luyện đọc câu:  *Cha không sống mãi để lo cho các con được.// Ruộng nhà có một kho báu,/ các con hãy tự đào lên mà dùng.//* |
| - Yêu cầu học sinh đọc nối tiếp theo đoạn lần 2. | - Nối tiếp nhau đọc theo đoạn lần 2. |
| - Gọi 1 HS đọc chú giải. | - HS đọc chú giải. |
| - Chia nhóm học sinh và theo dõi học sinh đọc theo nhóm. | - Lần lượt từng học sinh đọc trong nhóm của mình, các bạn trong nhóm chỉnh sửa lỗi cho nhau. |
| - Tổ chức cho các nhóm thi đọc đồng thanh, đọc cá nhân. | - Các nhóm cử cá nhân thi đọc cá nhân, các nhóm thi đọc nối tiếp, đọc đồng thanh 1 đoạn trong bài. |
| - Nhận xét, cho điểm. |  |
| - Yêu cầu học sinh đọc đồng thanh đoạn 1. | - Thực hiện theo yêu cầu của GV. |
| **Tiết 2** | |
| **HĐ 3. HDHS tìm hiểu bài**  - Yêu cầu học sinh đọc thầm đoạn, bài. Kết hợp thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi: | - Học sinh đọc thầm đoạn, bài. Kết hợp thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi: |
| - Tìm những hình ảnh nói lên sự cần cù, chịu khó của vợ chồng người nông dân. | - Quanh năm hai sương một nắng, cuốc bẫm cày sâu, ra đồng từ lúc gà gáy sáng trở về nhà khi đã lặn mặt trời. Họ hết cấy lúa, lại trồng khoai, trồng cà, họ không cho đất nghỉ, mà cũng chẳng lúc nào ngơi tay. |
| - Nhờ chăm chỉ làm ăn, họ đã đạt được điều gì? | - Họ gây dựng được một cơ ngơi đàng hoàng. |
| - Tính nết của hai con trai của họ như thế nào? | - Hai con trai lười biếng, ngại làm ruộng, chỉ mơ chuyện hão huyền. |
| - Tìm từ ngữ thể hiện sự mệt mỏi, già nua của hai ông bà? | - Già lão, qua đời, lâm bệnh nặng. |
| - Trước khi mất, người cha cho các con biết điều gì? | - Người cho dặn: Ruộng nhà có một kho báu các con hãy tự đào lên mà dùng. |
| - Theo lời cha, hai người con đã làm gì? | - Họ đào bới cả đám ruộng lên để tìm kho báu. |
| - Kết quả ra sao? | - Họ chẳng thấy kho báu đâu và đành phải trồng lúa. |
| - Gọi học sinh đọc câu hỏi 4. | -Vì sao mấy vụ liền lúa bội thu? (HSKG) |
| - Treo bảng phụ có 3 phương án trả lời. | - Học sinh đọc thầm. |
| - Yêu cầu học sinh đọc thầm. Chia nhóm cho học sinh thảo luận để chọn ra phương án đúng nhất. | 1.Vì đất ruộng vốn là đất tốt.  2.Vì ruộng hai anh em đào bới để tìm kho báu, đất được làm kĩ nên lúa tốt.  3.Vì hai anh em trồng lúa giỏi. |
| - Gọi học sinh phát biểu ý kiến. | - 3 đến 5 học sinh phát biểu. |
| - Kết luận: Vì ruộng được hai anh em đào bới để tìm kho báu, đất được làm kĩ nên lúa tốt. | - 1 học sinh nhắc lại. |
| - Theo con, kho báu mà hai anh em tìm được là gì? | - Là sự chăm chỉ, chuyên cần. |
| - Câu chuyện muốn khuyên chúng ta điều gì? | - Chăm chỉ lao động sẽ được ấm no, hạnh phúc./ Ai chăm chỉ lao động, yêu quý đất đai sẽ có cuộc sống ấm no, hạnh phúc. |
| **HĐ 4. HDHS luyện đọc lại** | |
| - GV đọc mẫu. | - HS lắng nghe, đọc thầm theo. |
| - Gợi ý HS nêu cách đọc toàn bài, từng đoạn. | - HS nêu:  + Đoạn 1 đọc giọng kể, đọc chậm rãi, nhẹ nhàng.  + Đoạn 2 đọc giọng trầm, buồn, nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện sự mệt mỏi của hai ông bà và sự hão huyền của hai người con.  + Đoạn cuối đọc với giọng hơi nhanh, thể hiện hành động của hai người con khi họ tìm vàng.  + Hai câu cuối, đọc với giọng chậm khi hai người con đã rút ra bài học của bố mẹ dặn.  + Đoạn 3 giọng đọc thể hiện sự ngạc nhiên, nhịp nhanh hơn. Câu kết - Hai người con đã hiểu lời dặn dò của người cha - đọc châm lại. |
| - Yêu cầu HS luyện đọc lại từng đoạn theo cặp. | - HS đọc theo cặp. |
| - Yêu cầu HS đọc thi cá nhân, nhóm. | - HS đọc thi cá nhân, nhóm. |
| **4. Củng cố, dặn dò:** |  |
| - Qua câu chuyện con hiểu được điều gì? | - Câu chuyện khuyên chúng ta phải chăm chỉ lao động. Chỉ có chăm chỉ lao động, cuộc sống của chúng ta mới ấm no, hạnh phúc. |
| - Dặn học sinh về nhà học bài và chuẩn bị bài sau.  -Nhận xét tiết học. | - Lắng nghe và thực hiện. |

TOÁN

**KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ II**

**I. Mục tiêu:**

Kiểm tra tập trung vào các nội dung sau:

- Phép nhân, phép chia trong bảng (2,3,4,5).

- Chia một nhóm đồ vật thành 2,3,4,5 phần bằng nhau.

- Giải toán bằng một phép nhân hoặc phép chia.

- Nhận dạng, gọi đúng tên, tính độ dài đường gấp khúc.

- KNS: Tư duy sáng tạo; hợp tác; quản lý thời gian.

**II. Đồ dùng dạy - học:**

- Đề kiểm tra do nhà trường phát.

- HS; Bút, SGK, giấy kiểm tra, giấy nháp.

**III. Các hoạt động dạy - học.**

1. Nêu yêu cầu tiết kiểm tra.

2. Nhắc nhở học sinh các quy định trong giờ làm bài kiểm tra.

3. Phát giấy kiểm tra, học sinh làm bài.

4. Thu bài.

5. Dặn dò: Chuẩn bị tiết sau.

Ngày soạn: 18/3/2015

# Ngày giảng: Thứ ba ngày 24 tháng 3 năm 2015

CHÍNH TẢ (Nghe- viết)

**KHO BÁU**

**I. Mục tiêu:**

**1.KT :**

-Nghe viết chính xác bài chính tả, biết trình bày đúng hình thức đoạn văn xuôi.

**2. KN :**

-Làm được bài tập (2) bài tập (3) a/b.

**3. TĐ :**

-Giáo dục cho học sinh ý thức rèn chữ, giữ vở.

- KNS: Lắng nghe tích cực; quản lý thời gian; giao tiếp; hợp tác.

**II. Đồ dùng dạy - học:**

- Bảng phụ viết sẵn bài tập chính tả 2, 3

**III. Các hoạt động dạy - học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ổn định tổ chức:**  - Kiểm tra sĩ số, HS hát đầu giờ.  **2. Kiểm tra:**  - đọc các từ cho HS viết bảng con, 1 HS lên bảng viết: *phượng vĩ, lung linh, Hương Giang, dải lụa, đỏ rực,....*  - Nhận xét, đánh giá.  **3. Bài mới:**  **HĐ 1. Giới thiệu bài:**  - Nêu yêu cầu tiết học, viết tiêu đề bài lên bảng.  **HĐ 2. HD nghe - viết:**  - GV đọc mẫu.  **\*.DHS tìm hiểu đoạn viết.**  + Đoạn văn nói lên điều gì ?  **\*. Hướng dẫn cách trình bày:**  - Đoan văn có mấy câu ?  - Trong đoạn văn này, những từ nào được viết hoa ? vì sao?  - HD viết từ khó:  - Gợi ý HS nêu các từ khó viết, dễ lẫn: *Quanh năm, lặn, sương....*  - Nhận xét, sửa sai.  **\*. Đọc cho HS viết chính tả.**  - Gọi HS đọc lại bài chính tả.  - Lưu ý HS về tư thế ngồi viết, cách trình bày, quy tắc viết hoa,...  -Đọc cho HS viết chính tả:  - Đọc cho HS soát lỗi  **\* Thu vở chấm, chữa bài.**  - Thu 7, 8 vở để chấm.  - Chấm, trả vở, nhận xét sửa sai.  **HĐ 3. Hướng dẫn làm bài tập**  **Bài 2:**  - Gọi HS nêu yêu cầu của bài tập.  - HD mẫu.  - Yêu cầu lớp làm bài tập  - 2 HS lên bảng  - Nhận xét, sửa sai  **Bài 3:**  a. Điền vào chỗ trống l hay n?  b.ên hay ênh?  - Lớp làm vở, 2 HS lên bảng  - Nhận xét, sửa sai  **4. Củng cố, dặn dò:**  - Về nhà chép lại bài cho đẹp hơn.  - Nhận xét chung tiết học. | - Hát tập thể.  - HS thực hiện theo yêu cầu của GV.  - Lắng nghe và điều chỉnh.  - Nghe - viết : Kho báu  - 2 học sinh đọc lại đoạn viết chính tả.  + Đoạn văn nói về đức tính chăm chỉ làm lụng của 2 vợ chồng người nông dân.  - 3 câu.  -HS nêu.  - HS nêu và viết bảng con từng từ.  - Lắng nghe và điều chỉnh.  - 2 HS đọc lại bài.  - Lắng nghe và thực hiện.  - Nghe viết cả câu, cả cụm từ rồi mới ghi vào vở.  - Soát lỗi, sửa sai bằng bút chì.  - Lắng nghe nhận xét, sửa sai.  \* Điền vào chỗ trống ua hay uơ?  - Lắng nghe và thực hiện.  - voi huơ vòi. - mùa màng.  - thuở nhỏ. - chanh chua.  - Lắng nghe và sửa sai.  Ơn trời mưa **n**ắng phải thì  **N**ơi thì bừa cạn, **n**ơi thì cày sâu.  Công lênh chẳng quản bao **l**âu  Ngày **nay** nước bạc, ngày sau cơm vàng.  Ai ơi, đừng bỏ ruộng hoang  Bao nhiêu tấc đất, tấc vàng bấy nhiêu.  Cái gì cao lớn l**ênh** khênh  Đứng mà không tựa ngã k**ềnh** ngay ra?  Tò vò mà nuôi con nhện  Đến khi nó lớn, nó **quện** nhau đi.  Tò vò ngồi khóc tỉ ti  Nhện ơinh**ện** hỡi, nh**ện** đi đằng nào?  - Lắng nghe và điều chỉnh.  - Lắng nghe và thực hiện. |

TOÁN

**ĐƠN VỊ, CHỤC, TRĂM, NGHÌN**

# I. Mục tiêu

**1. KT:**

- Biết mối quan hệ giữa đơn vị và chục; giữa chục và trăm; biết đơn vị nghìn, quan hệ giữa trăm và nghìn.

- Nhận biết được các số tròn trăm, biết cách đọc, viết các số tròn trăm.

**2. KN:**

- Bài tập cần làm: Bài 1, 2.

**3. TĐ:**

- KNS: Tư duy sáng tạo; hợp tác; quản lý thời gian, tư duy logic.

**II. Đồ dùng dạy - học:**

- 10 hình vuông biểu diễn đơn vị, kích thước 2,5cm x 2,5cm

- 20 hình chữ nhật biểu diễn 1 chục, kích thước 25cm x 2,5cm. Có vạch chia thành 10 ô.

- 10 hình vuông, mỗi hình biểu diễn 100, kích thước 25cm x 2,5cm. Có vạch chia thành 100 hình vuông nhỏ.

- Các hình trên làm bằng bìa, gỗ, hoặc nhựa, có thể gắn lên bảng cho HS quan sát.

- Bộ số bằng bìa hoặc nhựa gắn được lên bảng.

- Mỗi HS chuẩn bị một bộ ô vuông biểu diễn số như trên, kích thước mỗi ô vuông là 1cm x 1cm.

# III. Các hoạt động dạy - học:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ổn định tổ chức :**  - Chuyển tiết.  **2. Kiểm tra:**  - Trả bài kiểm tra tiết trước, nhận xét, sửa sai.  **3. Bài mới:**  **HĐ 1. Giới thiệu bài:**  - Các em đã được học đến số nào?  - Từ giờ học này, chúng ta sẽ tiếp tục học đến các số lớn hơn 100, đó là các số trong phạm vi 1000. Bài học đầu tiên trong phần này là Đơn vị, chục, trăm, nghìn.  **HĐ 2.** **Ôn tập về đơn vị, chục và trăm.**  - Gắn lên bảng 1 ô vuông và hỏi có mấy đơn vị?  - Tiếp tục gắn 2, 3, . . . 10 ô vuông như phần bài học trong SGK và yêu cầu HS nêu số đơn vị tương tự như trên.  -10 đơn vị còn gọi là gì?  -1 chục bằng bao nhiêu đơn vị?  -Viết lên bảng: 10 đơn vị = 1 chục.  - Gắn lên bảng các hình chữ nhật biểu diễn chục và yêu cầu HS nêu số chục từ 1 chục (10) đến 10 chục (100) tương tự như đã làm với phần đơn vị.  - 10 chục bằng mấy trăm?  - Viết lên bảng 10 chục = 100.  **HĐ 3. Giới thiệu 1 nghìn.**  **a. Giới thiệu số tròn trăm.**  - Gắn lên bảng 1 hình vuông biểu diễn 100 và hỏi: Có mấy trăm.  - Gọi 1 HS lên bảng viết số 100 xuống dưới vị trí gắn hình vuông biểu diễn 100.  - Gắn 2 hình vuông như trên lên bảng và hỏi: Có mấy trăm.  - Yêu cầu HS suy nghĩ và tìm cách viết số 2 trăm.  - Giới thiệu: Để chỉ số lượng là 2 trăm, người ta dùng số 2 trăm, viết 200.  -Lần lượt đưa ra 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 hình vuông như trên để giới thiệu các số 300, 400, . . .  - Các số từ 100 đến 900 có đặc điểm gì chung?  - Những số này được gọi là những số tròn trăm.  **b. Giới thiệu 1000.**  - Gắn lên bảng 10 hình vuông và hỏi: Có mấy trăm?  -Giới thiệu: 10 trăm được gọi là 1 nghìn.  -Viết lên bảng: 10 trăm = 1 nghìn.  -Để chỉ số lượng là 1 nghìn, viết là 1000.  -HS đọc và viết số 1000.  - 1 chục bằng mấy đơn vị?  - 1 trăm bằng mấy chục?  - 1 nghìn bằng mấy trăm?  - Yêu cầu HS nêu lại các mối liên hệ giữa đơn vị và chục, giữa chục và trăm, giữa trăm và nghìn.  **HĐ 4. Luyện tập, thực hành.**  **a. Đọc và viết số.**  - GV gắn hình vuông biểu diễn 1 số đơn vị, một số chục, các số tròn trăm bất kì lên bảng, sau đó gọi HS lên bảng đọc và viết số tương ứng.  **b. Chọn hình phù hợp với số.**  - GV đọc 1 số chục hoặc tròn trăm bất kì, yêu cầu HS sử dụng bộ hình cá nhân của mình để lấy số ô vuông tương ứng với số mà GV đọc.  **4. Củng cố, dặn dò:**  -Dặn dò HS về nhà xem lại bài. Chuẩn bị bài sau.  - Nhận xét tiết học. | - Lắng nghe và điều chỉnh, sửa sai.  - HS nêu.  - Lắng nghe và nhắc lại tiêu đề bài.  - 1 đơn vị.  - Có 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 đơn vị.  - 10 đơn vị còn gọi là 1 chục.  - 1 chục bằng 10 đơn vị.  - Nêu: 1 chục: 10; 2 chục: 20; . . 10 chục: 100.  - 100.  - Nhắc lại 10 chục bằng 1 trăm.  - Có 1 trăm.  - Viết số 100.  - Có 2 trăm.  - Một số HS lên bảng viết.  - HS viết vào bảng con: 200.  - Đọc và viết các số từ 300 đến 900.  - Cùng có 2 chữ số 00 đứng cuối cùng.  - Lắng nghe, ghi nhớ.  - Có 10 trăm.  - Cả lớp đọc: 10 trăm bằng 1 nghìn.  - HS quan sát và nhận xét: Số 1000 được viết bởi 4 chữ số, chữ số 1 đứng đầu tiên, sau đó là 3 chữ số 0 đứng liền nhau.  - Lắng nghe, ghi nhớ.  - Thực hiện đọc, viết số 1000.  - 1 chục bằng 10 đơn vị.  - 1 trăm bằng 10 chục.  - 1 nghìn bằng 10 trăm.  - HS nêu.  - Đọc và viết số theo hình biểu diễn.  - Thực hành làm việc cá nhân theo hiệu lệnh của GV. Sau mỗi lần chọn hình, 2 HS ngồi cạnh lại kiểm tra bài của nhau và báo cáo kết quả với GV.  - Lắng nghe và thực hiện. |

# Ngày soạn: 18/3/2015

# Ngày giảng: Thứ tư ngày 25 tháng 3 năm 2015

# TẬP ĐỌC

# CÂY DỪA

**I. Mục tiêu:**

**1. KT:**

- Hiểu nội dung: Cây dừa giống như con người, biết gắn bó với đất trời, với thiên nhiên ( trả lời được các CH 1, 2 trong SGK, thuộc 8 dòng thơ đầu).

**2. KN:**

- Biết ngắt nhịp thơ hợp lí khi đọc các câu thơ lục bát.

- HS khá giỏi trả lời được câu hỏi 3.

**3. TĐ:**

- KNS: Lắng nghe tích cực; quản lý thời gian; hợp tác, thể hiện sự tự tin.

**II. Đồ dùng dạy - học:**

-Một cây hoa giả có cài 10 câu hỏi về 5 loại cây lạ trong bài đọc: Bạn có biết?

-Tranh minh họa nội dung bài: sưu tầm tranh ảnh về cây dừa, rừng dừa Nam Bộ.

**III. Các hoạt động dạy - học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ổn định tổ chức:**  - Kiểm tra sĩ số, HS hát đầu giờ.  **2. Kiểm tra:**  - Gọi HS lên bảng đọc bài và trả lời câu hỏi nội dung đoạn bài tiết trước.  - Nhận xét, đánh giá.  **3. Bài mới:**  **HĐ 1. Giới thiệu bài:**  - Nêu yêu cầu tiết học, viết tiêu đề bài lên bảng.  **HĐ 2.** **HDHS luyện đọc**  - Giáo viên đọc mẫu. | - Hát tập thể.  - Thực hiện theo yêu cầu của GV.  - Lắng nghe, điều chỉnh.  - Lắng nghe, nhắc lại tiêu đề bài.  - Lắng nghe, đọc thầm theo. |
| - Hướng dẫn học sinh đọc kết hợp giải nghĩa từ khó. |  |
| + Yêu cầu học sinh nối tiếp nhau đọc từng câu. Chú ý các từ ngữ khó đọc.  + Gợi ý HS nêu các từ ngữ khó đọc. | - HS nối tiêp đọc theo câu.  - Học sinh nêu và luyện đọc từ khó: tỏa, gật đầu, bạc phếch, chải, quanh cổ, rì rào. |
| - HDHS đọc đoạn, kết hợp giải nghĩa từ khó. |  |
| + HDHS chia đoạn. | - HS chia đoạn:  + Đoạn 1: 4 dòng thơ đầu.  + Đoạn 2: 4 dòng thơ tiếp theo.  + Đoạn cuối: 6 dòng còn lại. |
| + Yêu cầu HS đọc nối tiếp từng đoạn trước lớp lần 1. | - Học sinh nối tiếp nhau đọc từng đoạn lần 1. |
| - Lưu ý học sinh cách ngắt nghỉ, nhấn giọng ở các từ gợi tả, gợi cảm. | - Lắng nghe và đọc. |
| - HD giải nghĩa từ; 1 HS đọc chú giải. | - HS đọc chú giải. |
| - Giải thích thêm: |  |
| + Bạc phếch là bị mất màu, biến thành màu trắng cu xấu. | - Lắng nghe. |
| + Đánh nhịp là động tác đưa tay lên xuống đều đặn. |  |
| - Yêu cầu HS đọc nối tiếp theo đoạn lần 2. | - HS đọc nối tiếp theo đoạn lần 2. |
| - Yêu cầu HS đọc trong nhóm. | - HS đọc trong nhóm. |
| - Thi đọc từng đoạn cá nhân, giữa các nhóm. | - Thi đọc từng đoạn cá nhân, giữa các nhóm. |
| - Đọc đồng thanh cả bài. | - Đọc đồng thanh. |
| **HĐ 3. Hướng dẫn tìm hiểu bài** | |
| - Yêu cầu HS đọc thầm từng đoạn, bài. Kết hợp thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi: | - HS đọc thầm từng đoạn, bài. Kết hợp thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi: |
| - Các bộ phận của cây dừa (là 1 ngọn, thân quả) được so sánh với những gì? | - Lá/ tàu dừa: như bàn tay dang ra đón gió, như chiếc lược chải vào mây xanh. |
|  | - Ngọn dừa: như cái đầu của người, biết gật gật để gọi trăng. |
|  | - Thân dừa: mặc tấm áo bạc phếch đứng canh trời, canh đất. |
|  | - Quả dừa: như đàn lợn con, như hũ rượu. |
| ***-*** Cây dừa với thiên nhiên (gió, trăng, mây, nước, đàn cò) như thế nào? | - Với gió: dang tay, đón gió, gọi gió đến cùng múa reo. |
|  | - Với trăng: gật đầu gọi trăng. |
|  | - Với mây: là chiếc lược chải vào mây xanh… |
|  | - Với nắng: làm dịu mát nắng trưa. |
|  | - Với đàn có: hát rì rào cho đàn cò đánh nhịp bay vào bay ra. |
| - Em thích những câu thơ nào? Vì sao? | - Dành cho HS khá giỏi. |
| - Khuyến khích học sinh trả lời theo ý kiến riêng của mình và giải thích lý do rõ ràng. | - Vài học sinh phát biểu. |
| **HĐ 4. HDHS luyện đọc lại và học thuộc lòng.** | |
| - GV đọc mẫu lần 2.  - Gợi ý HS nêu cách đọc đoạn, bài.  - Cho HS đọc trong nhóm.  - Hướng dẫn học sinh học thuộc từng phần của bài thơ. | - Lắng nghe và đọc thầm theo.  - Nêu cách đọc: Toàn bài đọc với giọng nhẹ nhàng, hồn nhiên. Nhấn giọng ở các từ ngữ gợi tả, gợi cảm: tỏa, dang tay, gật đầu, bạc phếch, nở, chải, đeo, dịu, đánh nhịp, đủng đỉnh.  - HS đọc trong nhóm  - Học thuộc lòng. |
| - HS thi đọc cá nhân, nhóm. | - 4 dòng đầu. |
|  | - 4 dòng giữa. |
|  | - 6 dòng cuối. |
|  | - 3 nhóm nối tiếp đọc 3 đoạn. |
| - Nhận xét, đánh giá. | - Vài học sinh đọc thuộc cả bài. |
| **4. Củng cố, dặn dò:**  - Về nhà học thuộc bài thơ.Chuẩn bị bài sau.  - Nhận xét giờ học. | - Lắng nghe và thực hiện. |

**TOÁN**

**SO SÁNH CÁC SỐ TRÒN TRĂM**

# I. Mục tiêu

**1.KN:**

- Biết cách so sánh các số tròn trăm.

- Biết thứ tự các số tròn trăm.

- Biết điền các số tròn trăm vào các vạch trên tia số.

**2.KN:**

- Bài tập cần làm: Bài 1, 2, 3.

- KNS: Tư duy sáng tạo; hợp tác; quản lý thời gian.

**3. TĐ:**

**-** Rèn tính cẩn thận chính xác.

**II. Đồ dùng dạy - học:**

- 10 hình vuông, mỗi hình biểu diễn 100, kích thước 25cm x 25cm. Có vạch chia thành 100 hình vuông nhỏ. Các hình làm bằng bìa, có thể gắn lên bảng cho HS quan sát.

**III. Các hoạt động dạy - học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ổn định tổ chức:**  - Chuyển tiết.  **2. Kiểm tra:**  - GV kiểm tra HS về đọc, viết các số tròn trăm.  - Nhận xét, đánh giá.  **3. Bài mới:**  **HĐ 1. Giới thiệu bài:**  - Trong bài học này, các em sẽ được học cách so sánh các số tròn trăm.  **HĐ 2. Hướng dẫn so sánh các số tròn trăm.**  - Gắn lên bảng 2 hình vuông biểu diễn 1 trăm, và hỏi: Có mấy trăm ô vuông?  - Yêu cầu HS lên bảng viết số 200 xuống dưới hình biểu diễn.  - Gắn tiếp 3 hình vuông, mỗi hình vuông biểu diễn 1 trăm lên bảng cạnh 2 hình trước như phần bài học trong SGK và hỏi: Có mấy trăm ô vuông?  - Yêu cầu HS lên bảng viết số 300 xuống dưới hình biểu diễn.  - 200 ô vuông và 300 ô vuông thì bên nào có nhiều ô vuông hơn?  - Vậy 200 và 300 số nào lớn hơn?  - 200 và 300 số nào bé hơn?  - Gọi HS lên bảng điền dấu >, < hoặc = vào chỗ trống của: 200 . . . 300 và 300 . . . 200  - Tiến hành tương tự với số 300 và 400  - Yêu cầu HS suy nghĩ và cho biết: 200 và 400 số nào lớn hơn? Số nào bé hơn?  - 300 và 500 số nào lớn hơn? Số nào bé hơn?  **HĐ 3. Luyện tập, thực hành.**  **Bài 1.**  - Gọi HS nêu yêu cầu bài tập.  - Cho HS tự làm bài vào vở, xong báo cáo kết quả.  - Nhận xét, đánh giá.  **Bài 2:**  -Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì?  - Yêu cầu HS cả lớp tự làm bài.  - Yêu cầu HS nhận xét bài làm của bạn.  **Bài 3:**  -Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì?  -Các số được điền phải đảm bảo yêu cầu gì?  -Yêu cầu HS đếm các số tròn trăm từ 100 đến 1000 theo thứ tự từ bé đến lớn, từ lớn đến bé.  -Yêu cầu HS tự làm bài.  -Chữa bài, sau đó vẽ 1 số tia số lên bảng và yêu cầu HS suy nghĩ để điền các số tròn trăm còn thiếu trên tia số.  **4. Củng cố, dặn dò:**  - Dặn dò HS về nhà hoàn thiện các bài tập. Chuẩn bị bài sau.  - Nhận xét tiết học. | - Một số HS lên bảng thực hiện yêu cầu của GV.  - Lắng nghe và điều chỉnh.  - Lắng nghe và nhắc lại tiêu đề bài.  - Có 200 ô vuông.  - 1 HS lên bảng viết số: 200.  - Có 300 ô vuông.  - 1 HS lên bảng viết số 300.  - 300 ô vuông nhiều hơn 200 ô vuông.  - 300 lớn hơn 200.  - 200 bé hơn 300.  - 1 HS lên bảng, cả lớp làm vào bảng con. 200 < 300; 300 > 200.  - Thực hiện yêu cầu của GV và rút ra kết luận: 300 bé hơn 400, 400 lớn hơn 300. 300 < 400; 400 > 300.  - 400 lớn hơn 200, 200 bé hơn 400. 400 > 200; 200 < 400.  - 500 lớn hơn 300, 300 bé hơn 500. 500 > 300; 300 < 500.  - 1 HS nêu yêu cầu bài tập.  - Tự làm bài và báo cáo kết quả.  - Lắng nghe, điều chỉnh.  - Bài tập yêu cầu chúng ta so sánh các số tròn trăm với nhau và điền dấu thích hợp.  - 2 HS lên bảng làm bài, cả lớp làm bài vào vở bài tập.  - Nhận xét và chữa bài.  -Bài tập yêu cầu chúng ta điền số còn thiếu vào ô trống.  - Các số cần điền là các số tròn trăm, số đứng sau lớn hơn số đứng trước.  -HS cả lớp cùng nhau đếm.  -2 HS làm bài trên bảng lớp, cả lớp làm bài vào vở bài tập.  -Thực hiện theo yêu cầu của GV.  - Lắng nghe, về nhà thực hiện. |

# LUYỆN TỪ VÀ CÂU

# TỪ NGỮ VỀ CÂY CỐI

**ĐẶT VÀ TRẢ LỜI CÂU HỎI: ĐỂ LÀM GÌ ? DẤU CHẤM PHẨY**

**I. Mục tiêu:**

**1. KT:**

-Biết đặt và trả lời câu hỏi với cụm từ để làm gì? (BT2); Điền đúng dấu chấm, dấu phẩy trong đoạn văn có chỗ trống. (BT3).

**2. KN:**

- Nêu được một số từ ngữ về cây cối (BT1).

- KNS: Tìm kiếm và xử lý thông tin; hợp tác; giao tiếp.

**3.TĐ:**

-GD cho HS ý thức tự giác, luyện tập, yêu thích môn học.

**II. Đồ dùng dạy - học**:

- Bài tập 1 viết vào 4 tờ giấy to, bút dạ.

- Viết sẵn bài tập 3 trên bảng lớp.

**III. Các hoạt động dạy - học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ổn định tổ chức:**  - Kiểm tra sĩ số, HS hát đầu giờ.  **2. Kiểm tra:**  - Kiểm tra việc làm bài tập ở nhà của HS.  - Nhận xét, đánh giá.  **3. Bài mới:**  **HĐ 1. Giới thiệu bài:**  - Nêu yêu cầu tiết học, viết tiêu đề bài lên bảng.  **HĐ 2. HD làm bài tập**:  **Bài 1**:  - Gọi HS nêu yêu cầu bài tập.  - Yêu cầu thảo luận.  - Thi giữa các nhóm.  - Nhận xét, đánh giá.  **Bài 2**:  - Nêu yêu cầu của bài.  - Yêu cầu các nhóm thực hành hỏi đáp theo mẫu.  **Bài 3:**  - Nêu yêu cầu bài tập.  - Yêu cầu làm bài - chữa bài.  - Nhận xét, đánh giá.  **4. Củng cố, dặn dò:**  - Cần chú ý dùng dấu phẩy hợp lý để ngăn cách các bộ phận trong câu. Hoàn thiện các bài tập ở nhà. Chuẩn bị bài sau.  - Nhận xét giờ học. | - Hát tập thể.  - Thực hiện theo yêu cầu của GV.  - Lắng nghe và điều chỉnh.  - Lắng nghe, nhắc lại tiêu đề bài.  \* Kể tên các loài cây theo nhóm mà em biết.  - Các nhóm thảo luận làm bài vào phiếu.   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Cây LT, TP. | Cây ăn quả | Cây lấy gỗ | Cây bóng mát | Cây hoa |   - Nhận xét, bổ sung.  \* Đặt và trả lời câu hỏi ***để làm gì?***  - Các nhóm thực hành hỏi đáp.  + Người ta trồng lúa để làm gì?  - Người ta trồng lúa để lấy thóc làm ra hạt gạo để nấu cơm ăn.  + Người ta trồng cây bàng để làm gì?  - Người ta trồng cây bàng để lấy bóng mát.  \* Điền dấu chấm hay dấu phẩy vào ô trống?  *“Chiều qua, Lan nhận được thư bố. Trong thư, bố dặn dò hai chị em Lan rất nhiều điều. Nhưng Lan nhớ nhất lời bố dặn riêng em ở cuối thư: "Con nhớ chăm bón cây cam ở đầu vườn để khi bố về, bố con mình có cam ngọt ăn nhé”.*  - Lắng nghe và điều chỉnh.  - Lắng nghe và thực hiện. |

# Ngày soạn: 18/3/2015

# Ngày giảng: Thứ năm ngày 26 tháng 3 năm 2015

**KỂ CHUYỆN**

**KHO BÁU**

**A. Mục tiêu:**

Ở tiết học này, HS:

**1.KT:**

- Dựa vào gợi ý cho trước, kể lại được từng đoạn câu chuyện***.***

**2.KN:**

- HS khá giỏi biết kể lại toàn bộ câu chuyện (bài tập 2).

**3.TĐ:**

- KNS: Tự nhận thức, xác định giá trị bản thân; lắng nghe tích cực.

**II. Đồ dùng dạy - học:**

-Tranh minh hoạ SGK.

- Bảng phụ ghi sẵn các câu hỏi gợi ý.

**III. Các hoạt động dạy - học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ổn định tổ chức :**  - Chuyển tiết.  **2. Kiểm tra:**  - Kiểm tra chuẩn bị của học sinh.  - Nhận xét, đánh giá.  **3. Bài mới:**  **HĐ 1. Giới thiệu bài:**  - Nêu yêu cầu tiết học, viết tiêu đề bài lên bảng.  **HĐ 2. Hướng dẫn kể chuyện**  **\* Kể lại từng đoạn**.  - Yêu cầu kể trong nhóm.  - Yêu cầu kể trước lớp.  - Thi giữa 3 nhóm.  - Nhận xét, đánh giá.  **\*Kể lại câu chuyện theo vai (Khuyến khích).**  - Gọi HS kể.  - Yêu cầu các nhóm thi kể theo vai.  - Thi kể giữa 3 nhóm.  - Nhận xét, đánh giá.  **\*Kể lại toàn bộ câu chuyện. (HSKG)**  - Nhận xét, tuyên dương.  **4. Củng cố, dặn dò:**  - Câu chuyện con hiểu được điều gì?  - Về nhà tập kể lại câu chuyện cho người thân nghe.  - Nhận xét giờ học. | - Hợp tác cùng GV.  - Lắng nghe và điều chỉnh.  - Lắng nghe và nhắc lại tiêu đề bài.  - Kể chuyện trong nhóm. Mỗi HS kể 1 đoạn, bạn nghe nhận xét và sửa cho bạn.  -Hai vợ chồng chăm chỉ: Ở vùng quê nọ...  **-** Hai vợ chồng chăm chỉ.  **-** Thức khuya dậy sớm: Họ thường ra đồng lúc gà gáy sáng và trở về khi đã lặn mặt trời.  - Không lúc nào ngơi tay: Hai vợ chồng cần cù làm việc, chăm chỉ không lúc nào ngơi tay. Đến vụ lúa họ cấy lúa rồi trồng khoai, trồng cà, không để cho đất nghỉ.   * Kết quả tốt đẹp: Nhờ làm lụng chuyên cần, họ đã gây dựng được một cơ ngơi đàng hoàng.   - Thi giữa 3 nhóm: mỗi nhóm 3 học sinh  - Nhận xét, bình chọn.  - 3 HS tự phân vai kể.  - 3 nhóm thi kể theo vai.  - Lắng nghe, điều chỉnh.  - Nhận xét, bình chọn.  \*HSKG thực hiện.  - Lắng nghe, điều chỉnh.  - Câu chuyện khuyên chúng ta phải biết yêu quý đất đai, ai chăm chỉ lao động trên ruộng đồng, người đó sẽ có cuộc sống ấm no hạnh phúc.  - Lắng nghe và thực hiện. |

**TOÁN**

**CÁC SỐ TRÒN CHỤC TỪ 110 ĐẾN 200**

# I. Mục tiêu

Ở tiết học này, HS:

**1. KT:**

- Biết cách đọc, viết các số tròn chục từ 110 đến 200

- Biết so sánh các số tròn chục.

**2.KN:**

- Nhận biết được các số tròn chục từ 110 đến 200.

- Bài tập cần làm: Bài 1, 2, 3.

**3. TĐ:**

- KNS: Tư duy sáng tạo; hợp tác; quản lý thời gian.

**II. Đồ dùng dạy - học:**

- Các hình vuông, mỗi hình biểu diễn 100, các hình chữ nhật biểu diễn 1 chục như đã giới thiệu ở tiết 132.

- Bảng kẻ sẵn các cột ghi rõ: Trăm, chục, đơn vị, viết số, đọc số, như phần bài học của SGK.

**III. Các hoạt động dạy - học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ổn định tổ chức :**  - Chuyển tiết.  **2. Kiểm tra:**  - GV kiểm tra HS về so sánh và thứ tự các số tròn trăm.  - Gọi 2 HS lên bảng viết các số tròn chục mà em đã biết (đã học).  - Nhận xét, đánh giá.  **3. Bài mới:**  **HĐ 1. Giới thiệu bài:**  - Trong bài học hôm nay, các em sẽ học về các số tròn chục từ 110 đến 200.  - Số tròn chục là những số như thế nào?  **HĐ 2. Giới thiệu các số tròn chục từ 110 đến 200.**  - Gắn lên bảng hình biểu diễn số 110 và hỏi: Có mấy trăm và mấy chục, mấy đơn vị?  - Số này đọc là: Một trăm mười.  - Số 110 có mấy chữ số, là những chữ số nào?  - Một trăm gồm mấy chục?  - Vậy số 110 có tất cả bao nhiêu chục.  - Có lẻ ra đơn vị nào không?  - Đây là 1 số tròn chục.  - Hướng dẫn tương tự với dòng thứ 2 của bảng để HS tìm ra cách đọc, cách viết và cấu tạo của số 120.  -Yêu cầu HS suy nghĩ và thảo luận để tìm ra cách đọc và cách viết của các số: 130, 140, 150, 160, 170, 180, 190, 200.  - Yêu cầu HS báo cáo kết quả thảo luận.  - Yêu cầu cả lớp đọc các số tròn chục từ 110 đến 200.  **HĐ 3. So sánh các số tròn chục.**  -Gắn lên bảng hình biểu diên 110 và hỏi: Có bao nhiêu hình vuông?  -Gắn tiếp lên bảng hình biểu diễn số 120 và hỏi: Có bao nhiêu hình vuông?  -110 hình vuông và 120 hình vuông thì bên nào có nhiều hình vuông hơn, bên nào có ít hình vuông hơn.  - Vậy 110 và 120 số nào lớn hơn, số nào bé hơn?  -Yêu cầu HS lên bảng điền dấu >, < vào chỗ trống.  -Ngoài cách so sánh số 110 và 120 thông qua việc so sánh 110 hình vuông và 120 hình vuông như trên, trong toán học chúng ta so sánh các chữ số cùng hàng của hai số với nhau.  -Hãy so sánh chữ số hàng trăm của 110 và 120.  -Hãy so sánh chữ số hàng chục của 110 và 120 với nhau.  -Khi đó ta nói 120 lớn hơn 110 và viết 120>110, hay 110 bé hơn 120 và viết 110 < 120.  -Yêu cầu HS dựa vào việc so sánh các chữ số cùng hàng để so sánh 120 và 130.  **HĐ 4. Luyện tập, thực hành.**  **Bài 1:**  - Gọi HS nêu yêu cầu bài tập.  -Yêu cầu HS tự làm bài sau đó gọi 2 HS lên bảng, 1 HS đọc số để HS còn lại viết số.  -Nhận xét, đánh giá.  **Bài 2:**  - Gọi HS nêu yêu cầu bài tập.  -Đưa ra hình biểu diễn số để HS so sánh, sau đó yêu cầu HS so sánh số thông qua việc so sánh các chữ số cùng hàng.  -Nhận xét, đánh giá.  **Bài 3:**  -Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì?  -Để điền số cho đúng, trước hết phải thực hiện so sánh số, sau đó điền dấu ghi lại kết quả so sánh đó.  -Nhận xét, đánh giá.  **Bài 4: Khuyến khích HS khá giỏi.**  -Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì?  -Yêu cầu HS tự làm bài.  - Tại sao lại điền 120 vào chỗ trống thứ nhất?  - Đây là dãy các số tròn chục từ 10 đến 200 được xếp theo thứ tự từ bé đến lớn.  - Yêu cầu HS kể các số tròn chục đã học theo thứ tự từ bé đến lớn.  **4. Củng cố, dặn dò:**  - Yêu cầu HS về nhà ôn lại cách đọc, cách viết và cách so sánh các số tròn chục đã học. Chuẩn bị bài sau.  - Nhận xét tiết học. | - Một số HS lên bảng thực hiện yêu cầu của GV.  - Viết các số: 10, 20, 30, 40, 50, 60, 70, 80, 90, 100.  - Lắng nghe, điều chỉnh.  - Lắng nghe, nhắc lại tiêu đề bài.  - Là những số có hàng đơn vị bằng 0.  - Có 1 trăm, 1 chục và 0 đơn vị. Sau đó, lên bảng viết số như phần bài học trong SGK.  - HS cả lớp đọc: Một trăm mười.  - Số 110 có 3 chữ số, chữ số hàng trăm là chữ số 1, chữ số hàng chục là chữ số 1, chữ số hàng đơn vị là chữ số 0.  - Một trăm gồm 10 chục.  - HS đếm số chục trên hình biểu diễn và trả lời: có 11 chục.  - Không lẻ ra đơn vị nào.  - Lắng nghe và nhắc lại.  - HS thảo luận cặp đôi và viết kết quả vào bảng số trong phần bài học.  - 2 HS lên bảng, 1 HS đọc số, 1 HS viết số, cả lớp theo dõi và nhận xét.  -Có 110 hình vuông, sau đó lên bảng viết số 110.  -Có 120 hình vuông, sau đó lên bảng viết số 120.  -120 hình vuông nhiều hơn 110 hình vuông, 110 hình vuông ít hơn 120 hình vuông.  -120 lớn hơn 110, 110 bé hơn 120.  -Điền dấu để có: 110 < 120; 120>110.  - Lắng nghe, ghi nhớ.  -Chữ số hàng trăm cũng là 1.  -2 lớn hơn 1, hay 1 bé hơn 2.  - Lắng nghe, thực hiện.  -120 < 130 hay 130 > 120.  - HS nêu yêu cầu bài tập.  - Làm bài, sau đó theo dõi bài làm của 2 HS lên bảng và nhận xét.  - Lắng nghe, điều chỉnh.  - Bài tập yêu cầu chúng ta điền dấu >, <, = vào chỗ trống.  - Làm bài, sau đó 2 HS ngồi cạnh nhau đổi chéo vở để kiểm tra bài lẫn nhau.  - Lắng nghe, điều chỉnh.  - Bài tập yêu cầu chúng ta điền dấu thích hợp vào chỗ trống.  - Quan sát, thực hiện.  - Lắng nghe, điều chỉnh.  - Điền số thích hợp vào chỗ trống.  - Làm bài, 1 HS lên bảng làm bài. 110; 120; 130; 140; 150; 160; 170; 180; 190; 200.  - Vì đếm 110 sau đó đếm 120 rồi đếm 130, 140.  - HS nghe giảng và đọc lại dãy số trên.  - Thực hiện.  - Lắng nghe và thực hiện. |

# Ngày soạn: 18/3/2015

# Ngày giảng: Thứ sáu ngày 27 tháng 3 năm 2015

CHÍNH TẢ (Nghe - viết)

**CÂY DỪA**

**I. Mục tiêu:**

**1.KT:**

- Nghe - viết chính xác bài chính tả, biết trình bày đúng các câu thơ lục bát.

**2. KN:**

- KNS: Lắng nghe tích cực; quản lý thời gian; tự nhận thức.

- Làm được bài tập (2) a/b.viết đúng tên riêng Việt Nam trong BT3.

**3. TĐ:**

- Giáo dục cho học sinh ý thức rèn chữ, giữ vở.

**II. Đồ dùng dạy - học:**

- Bảng phụ viết sẵn bài tập 2

**III. Các hoạt động dạy - học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ổn định tổ chức:**  - Kiểm tra sĩ số, HS hát đầu giờ.  **2. Kiểm tra:**  - Gọi 2 HS lên bảng viết từ khó của tiết trước, HS dưới lớp viết vào nháp do GV đọc: bền vững, thuở bé, bến bờ, quở trách.  - Nhận xét, đánh giá.  **3. Bài mới:**  **HĐ 1. Giới thiệu bài:**  - Giờ Chính tả hôm nay lớp mình sẽ nghe và viết lại 8 dòng thơ đầu trong bài thơ Cây dừa và làm các bài tập chính tả phân biệt s/x; in/inh.  **HĐ 2. Hướng dẫn viết chính tả**  **a. Ghi nhớ nội dung đoạn cần viết**  - GV đọc 8 dòng thơ đầu trong bài Cây dừa.  - Đoạn thơ nhắc đến những bộ phận nào của cây dừa?  - Các bộ phận đó được so sánh với những gì?  **b. Hướng dẫn cách trình bày.**  -Đoạn thơ có mấy dòng?  -Dòng thứ nhất có mấy tiếng?  -Dòng thứ hai có mấy tiếng?  -Đây là thể thơ lục bát. Dòng thứ nhất viết lùi vào 1 ô, dòng thứ 2 viết sát lề.  -Các chữa cái đầu dòng thơ viết như thế nào?  **c. Hướng dẫn viết từ khó.**  - GV đọc các từ khó cho HS viết: tỏa, tàu dừa, ngọt, hũ…  - Nhận xét, sửa sai.  **d. Viết chính tả.**  - Lưu ý HS về tư thế ngồi viết, cách trình bày, quy tắc viết hoa.  - GV đọc cho HS viết chính tả.  e. Soát lỗi.  - Đọc cho HS soát lỗi.  **g. Chấm bài.**  - Thu 7 – 8 vở chấm bài.  - Nhận xét, sửa sai.  **HĐ 3. Hướng dẫn làm bài tập**  **Bài 2a:**  - Gọi 1 HS đọc yêu cầu.  - Dán hai tờ giấy lên bảng chia lớp thành 2 nhóm, yêu cầu HS lên tìm từ tiếp sức.  - Tổng kết trò chơi.  - Cho HS đọc các từ tìm được.  **Bài 2b:**  - GV đọc yêu cầu cho HS tìm từ.  **Bài 3.**  - Gọi 1 HS đọc yêu cầu.  - 1 HS đọc bài thơ.  - Yêu cầu HS đọc thầm để tìm ra các tên riêng?  - Tên riêng phải viết như thế nào?  - Gọi HS lên bảng viết lại các tên riêng trong bài cho đúng chính tả.  - Yêu cầu HS nhận xét bài của bạn trên bảng, sau đó nhận xét và cho điểm HS.  **4. Củng cố, dặn dò:**  - Nhắc nhở HS nhớ quy tắc viết hoa tên riêng. Chuẩn bị bài sau.  - Nhận xét tiết học. | - Hát tập thể.  - Thực hiện theo yêu cầu của GV.  - Lắng nghe, điều chỉnh và sửa sai.  - Lắng nghe, nhắc lại tiêu đề bài.  - Theo dõi và đọc thầm theo. 1 HS đọc lại bài.  - Đoạn thơ nhắc đến lá dừa, thân dừa, quả dừa, ngọn dừa.  - HS đọc lại bài sau đó trả lời:  + Lá: như tay dang ra đón gió, như chiếc lược chải vào mây xanh.  + Ngọn dừa: như cái đầu của người biết gật để gọi trăng.  + Thân dừa: bạc phếch tháng năm.  + Quả dừa: như đàn lợn con, như những hũ rượu.  -8 dòng thơ.  - Dòng thứ nhất có 6 tiếng.  - Dòng thứ hai có 8 tiếng.  - Chữ đầu dòng thơ phải viết hoa.  - HS viết bảng con.  - Lắng nghe và sửa sai.  - Lắng nghe và thực hiện.  - Lắng nghe và viết bài.  - Soát lỗi.  - Lắng nghe, sửa sai (nếu có).  - Đọc yêu cầu bài.   |  |  | | --- | --- | | Tên cây bắt đầu bằng s | Tên cây bắt đầu bằng x | | sắn, sim, sung, si, sen, súng, sâm, sấu, sậy, … | xoan, xà cừ, xà nu, xương rồng, … |   - Tìm từ.  - Đáp án: Số chín/ chín/ thính.  - Đọc đề bài.  - 1 HS đọc thành tiếng, cả lớp đọc thầm theo.  - Bắc Sơn, Đình Cả, Thái Nguyên, Tây Bắc, Điện Biên.  - Tên riêng phải viết hoa.  - 2 HS lên bảng viết lại, HS dưới lớp viết vào Vở bài tập.  - Nhận xét bài làm của bạn trên bảng.  - Lắng nghe và thực hiện. |

TẬP LÀM VĂN

**ĐÁP LỜI CHIA VUI - TẢ NGẮN VỀ CÂY CỐI.**

**I. Mục tiêu**:

Ở tiết học này, HS:

**1. KT:**

-Biết đáp lại lời chia vui trong tình huống giao tiếp cụ thể.

**2. KN:**

-Đọc và trả lời được các câu hỏi về bài miêu tả ngắn; viết được các câu trả lời cho một phần BT2.

- KNS: Tư duy sáng tạo; giao tiếp; thể hiện sự tự tin.

**3.TĐ:**

-GD học sinh có ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. Đồ dùng dạy - học:**

- Tranh minh hoạ SGK.

- BP viết các bài tập.

**III. Các hoạt động dạy - học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ổn định tổ chức :**  - Chuyển tiết.  **2. Kiểm tra:**  - Kiểm tra việc thực hiện bài tập ở nhà của HS.  - Nhận xét, đánh giá.  **3. Bài mới:**  **HĐ 1. Giới thiệu bài:**  - Nêu yêu cầu tiết học, viết tiêu đề bài lên bảng.  **HĐ 2. HDHS làm bài tập.**  **\*Bài 1**:  - Treo tranh.  - Yêu cầu 2 HS làm mẫu.  - Yêu cầu nêu cách nói khác.  - Nhận xét, đánh giá.  **Bài 2.**  - Đọc mẫu bài.  - Đưa tranh quả măng cụt.  - Yêu cầu hỏi đáp theo nội dung.  - Gọi HS trình bày theo tranh.  - Nhận xét, đánh giá.  **Bài 3:**  - Yêu cầu viết bài vào vở các câu trả lời phần a hoặc phần b.  - HD dựa vào ý của bài để viết nhưng không nhất thiết đúng nguyên văn từng câu.  - Yêu cầu đọc một số bài trước lớp.  - Thu vở chấm một số bài.  - Nhận xét, đánh giá.  **4. Củng cố, dặn dò:**  - Nhắc lại nội dung bài.  - Về nhà thực hành nói lời chia vui, hoàn thành bài viết.  - Nhận xét tiết học. | - Thực hiện theo yêu cầu của GV.  - Lắng nghe và điều chỉnh.  - Lắng nghe, nhắc lại tiêu đề bài.  - Quan sát tranh.  *+ Chúc mừng bạn đã đạt giải cao trong cuộc thi.*  *+ Cảm ơn bạn.*  *+ Các bạn quan tâm tới tớ nhiều quá, tớ sẽ cố gắng hơn để lần sau sẽ đạt giải cao hơn. / Tớ cảm động quá . Cảm ơn các bạn nhiều lắm.*  *-*Thực hiện.  - Nhận xét, điều chỉnh, bổ sung.  - Lắng nghe.  - Quan sát tranh.  - Hỏi đáp theo nhóm đôi.  H1: Quả măng cụt hình gì?  H2: Quả măng cụt hình tròn như quả cam.  H1: Quả to bằng chừng nào?  H2: Quả to bằng nắm tay trẻ em.  H1: Quả măng cụt có màu gì?  H2: Quả màu tím sẫm ngả sang màu đỏ.  H1: Cuống nó ntn?  H2: Cuống nó to và ngắn, quanh cuống có 4,5 cái tai úp vào nhau.  - Chỉ vào tranh nêu.  - Nhận xét, bổ sung.  - Viết bài vào vở.  a, Quả măng cụt tròn, giống như quả cam, nhưng chỉ nhỏ bằng nắm tay trẻ em. Vỏ măng màu tím thẫm ngả sang đỏ. Cuống măng cụt ngắn và to, có 4,5 cái tai tròn úp vào quả vòng quanh cuống.  b, Dùng dao cắt khoanh nửa quả, bạn sẽ thấy lộ ra ruột quả trắng muốt như hoa bưởi, với 4,5 múi to không đều nhau, ăn từng múi, thấy vị ngọt đậm và một mùi thơm thoang thoảng.  - Vài HS đọc.  - Nhận xét, điều chỉnh, bổ sung.  - Lắng nghe.  - Lắng nghe về nhà thực hiện. |

TOÁN

**CÁC SỐ TỪ 101 ĐẾN 110**

**I. Mục tiêu:**

Ở tiết học này, HS:

**1. KT:**

- Nhận biết được các số từ 101 đến 110.

-Biết cách đọc, viết các số 101 đến 110.Biết cách so sánh các số từ 101 đến 110. -Biết thứ tự các số từ 101 đến 200.

**2.KN:**

- Bài tập cần làm: Bài 1; 2; 3.

- KNS: Tư duy sáng tạo; quản lý thời gian; hợp tác.

**3.TĐ:**

**-** Rèn tính cẩn thận, chính xác.

**II. Đồ dùng dạy - học:**

- Các hình vuông, mỗi hình biểu diễn 100, các hình chữ nhật biểu diễn 1 chục. Các hình vuông nhỏ biểu diễn đơn vị

- Bảng kẻ sẵn các cột ghi rõ: Trăm, chục, đơn vị, viết số, đọc số như phần bài học.

**III. Các hoạt động dạy - học:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1.Ổn định tổ chức:**  - Chuyển tiết.  **2. Kiểm tra:**  - Gọi HS đọc và viết các số tròn trăm, so sánh các số tròn chục từ 10 đến 200.  - Nhận xét, đánh giá.  **3. Bài mới:**  **HĐ 1. Giới thiệu bài:**  - Nêu yêu cầu tiết học, viết tiêu đề bài lên bảng.  **HĐ 2.Giới thiệu các số tròn chục từ 101 đến 110.**  + Gắn lên bảng hình biểu diễn số 100 và hỏi có mấy trăm?  + Gắn thêm một hình vuông nhỏ và hỏi: có mấy chục và mấy đơn vị?  + Cho HS đọc và viết số 101  + Giới thiệu số 102, 103 tương tự.  + Yêu cầu thảo luận để tìm ra cách đọc và viết của các số: 104, 105, 106, 107, 108, 109, 110  + Yêu cầu cả lớp đọc các số từ 101 đến 110.  **HĐ 3. Luyện tập - thực hành**  **Bài 1:**  - Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì?  - Yêu cầu cả lớp tự làm bài.  - Nhận xét, đánh giá.  **Bài 2:**  + Vẽ lên bảng tia số như SGK, sau đó gọi 1 HS lên bảng làm bài.  + Nhận xét ghi điểm và yêu cầu HS đọc các số trên tia số theo thứ tự từ bé đến lớn.  **Bài 3:**  - Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì?  - Để điền số cho đúng cần phải làm gì?  - Hãy so sánh chữ số hàng trăm của số 101 và 102?  - Hãy so sánh chữ số hàng đơn vị của số 101 và 102?  -GV đúc kết: Tia số được viết theo thứ tự từ bé đến lớn, số đứng trước bao giờ cũng nhỏ hơn số đứng sau.  **Bài 4: HS khá giỏi**  - Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì?  - Các nhóm thảo luận và cử 4 đại diện thi đua tiếp sức.  - Nhận xét, đánh giá.  **4.Củng cố, dặn dò:**  - HS nhắc lại cách đọc, viết, so sánh các số từ 101 đến 110.  - Dặn HS về nhà làm các bài trong vở bài tập. Chuẩn bị bài cho tiết sau.  - Nhận xét tiết học. | - Một số HS lên bảng thực hiện yêu cầu.  - Lắng nghe và điều chỉnh.  - Lắng nghe, nhắc lại tiêu đề bài.  + Có 1 trăm sau đó lên bảng viết 1 vào cột trăm.  + Có 0 chục và 1 đơn vị, lên bảng viết 0 vào cột chục và 1 vào cột đơn vị.  + HS viết và đọc số 101.  + HS thảo luận cặp đôi và viết kết quả vào bảng số trong phần bài học.  - Thực hiện.  - Nêu yêu cầu bài tập.  - 2 HS lên bảng, 1 HS đọc, 1 HS viết.  - Lắng nghe và điều chỉnh.  - Nghe hướng dẫn, sau đó làm bài  - Đọc các số.  - Điền dấu (> , = , < ) vào chỗ trống.  - Trước hết so sánh số sau đó mới điền dấu.  - Chữ số hàng trăm đều là 1.  - Chữ số hàng chục đều là 0.  - HS tự làm các ý còn lại của bài  - Làm bài, 1 HS lên bảng.  - Nêu yêu cầu tiết học.  - Các nhóm thảo luận và cử 4 đại diện thi đua tiếp sức.  - Nhận xét, bổ sung.  - Thực hiện theo yêu cầu của GV.  - Lắng nghe và thực hiện. |